

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2026/HS-ST

Ngày: 09-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 92/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/HSST-QĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/HSST-QĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/HSST-QĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Lâm H, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân: 079096000646; nơi đăng ký thường trú: Số A, Đ, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lê V bà Lâm Thị Thanh V1;

Tiền án: Ngày 08 tháng 01 năm 2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28 tháng 3 năm 2023.

Tiền sự, nhân thân: Không; chưa có vợ, con; bị bắt, tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2024 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Võ Quốc D, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1983, tại Bến Tre. Căn cước công dân: 083083009007; nơi đăng ký thường trú: 150A, khu A, thị trấn B, huyện B,

tỉnh Bến Tre (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: Làm bảng quảng cáo; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị Xuân H1; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; chưa có vợ, con; bị bắt, tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2024 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

3. Trịnh Thị Ngọc T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân: 082198002811; nơi đăng ký thường trú: Số G, tổ B, khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ L; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; chồng tên Nguyễn Minh H2 (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; bị bắt, tạm giữ từ ngày 03 tháng 10 năm 2025 đến ngày 07 tháng 10 năm 2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh và tại ngoại cho đến nay; có mặt.

4. Lê Hen R, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2005, tại Cà Mau. Căn cước công dân: 096205004050; nơi đăng ký thường trú: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê A T2 và bà Nguyễn Ngọc M; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; chưa có vợ, con; bị bắt, tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2024 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

5. Bùi Văn T3, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2001, tại An Giang. Căn cước công dân: 089201010161; nơi đăng ký thường trú: Tổ F, khóm B, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thanh V2 và bà Phạm Phương L1; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; chưa có vợ, con; bị bắt, tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2024 và tạm giam cho đến nay; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Ngô Văn H3, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2000, tại tỉnh Đồng Tháp. Căn cước công dân: 087200007066; nơi đăng ký thường trú: Số C, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T4 và bà Đoàn Thị L2;

Tiền án:

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2019/HS-ST.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2020/HS-ST; tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07 tháng 02 năm 2024.

Tiền sự, nhân thân: Không; chưa có vợ, con; bị bắt, tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2024 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thanh T5, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); địa chỉ liên hệ: Số C, đường C, tổ G, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Trần Hòa X, sinh năm 2005; địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ông Chu Công L3, sinh năm 2000; địa chỉ: Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường M, tỉnh An Giang), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1974; địa chỉ: Số G, tổ B, khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D và Lê Hen R đều là đối tượng nghiện ma túy, có mối quan hệ quen biết nhau ngoài xã hội. Do cần tiền tiêu xài và có ma túy để sử dụng nên khoảng đầu tháng 10 năm 2024, H, T, D và Hen R bàn bạc nhau thuê căn nhà không số tại địa chỉ đường Đ, tổ F, khu phố E, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) của bà Ngô Thị B, sinh năm 1984, cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 6.000.000 đồng/tháng để sinh sống và thống nhất sử dụng phòng ngủ trên lầu bên trái để cả nhóm cùng sử dụng trái phép chất ma túy và cho các đối tượng nghiện thuê phòng sử dụng ma túy để thu tiền, giá tiền thuê phòng là 3.000.000 đồng/một lần thuê. Sau khi thuê được căn nhà không số nêu trên, H, T, D và Hen R thống nhất phân công nhiệm vụ như sau: H, T sẽ là người đi tìm khách, tính tiền và nhận tiền của khách thuê phòng; D và Hen R là người dọn dẹp phòng và phục vụ nước cho khách đến thuê phòng; H là người đặt mua ma túy, H và D thay phiên nhau đi lấy ma túy; khi khách có nhu cầu mua ma túy thì T, D và Hen R phải báo cho H để H bán ma túy cho khách. Số tiền nhận được từ việc cho thuê phòng, bán ma túy cả nhóm sẽ giao lại cho H giữ để trả tiền nhà, trả tiền điện, tiền ăn uống, sinh hoạt chung cho cả nhóm; trả tiền mua ma túy (gồm ma túy cả nhóm sử dụng chung và ma túy để bán).

Khoảng 20 giờ ngày 16 tháng 11 năm 2024, Nguyễn Lâm H gọi điện thoại cho đối tượng tên T6 (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để đặt mua 5.000.000 đồng ma túy gồm thuốc lắc (MDMA) và khay (Ketamine) thì đối tượng T6 đồng ý và hẹn giao ma túy cho H tại quán bar S, thuộc thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, H kêu Võ Quốc D đến quán bar S để lấy ma túy về đưa cho H cất giấu tại căn nhà không số nêu trên.

Đến khoảng 21 giờ ngày 16 tháng 11 năm 2024, trong lúc H, D và Hen R đang ở tại nhà không số nêu trên thì H và D rủ Hen R cùng nhau sử dụng ma túy thì Hen R đồng ý. Sau đó, H, D và Hen R đi vào phòng trên lầu phía bên trái và lấy ma túy ra để sử dụng (ma túy và bộ D1 sử dụng ma túy gồm: 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa, 01 ống hút làm bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng được H và D để sẵn trên bàn trong phòng). Lúc này, H xào ma túy thành 04 đường rồi sử dụng 02 đường, 02 đường còn lại H đưa cho D sử dụng hết; Hen R xào ma túy thành 04 đường rồi sử dụng 02 đường, 02 đường còn lại Hen R để xuống bàn. Lúc này, Chu Công L3 (là bạn của nhóm Nguyễn Lâm H đến chơi) đi vào phòng và thấy còn 02 đường ma túy chưa sử dụng, L3 lấy và sử dụng hết. H tiếp tục đổ ma túy ra đĩa và xào để H, D, Hen R và L3 cùng sử dụng. Đến khoảng 02 giờ ngày 17 tháng 11 năm 2024, Trịnh Thị Ngọc T dẫn Trần Hòa X đến căn nhà không số nêu trên để chơi. Khi T và X đi lên phòng trên lầu phía bên trái thì Hen R và L3 đi ra khỏi phòng. Lúc này, T và X thấy ma túy đã được bày sẵn trên đĩa nên T lấy ma túy sử dụng rồi để xuống bàn; X tiếp tục lấy ma túy lên và sử dụng rồi để xuống bàn.

Trong khoảng thời gian này, Bùi Văn T3 và Ngô Văn H3 đang ở quán bar S thì T3 rủ H3 và 02 đối tượng nữ (là bạn của T3, hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) đi đến nhà của H để sử dụng trái phép chất ma túy thì H3 và 02 đối tượng nữ đồng ý. T3 với H3 không thỏa thuận việc H3 góp tiền để cùng sử dụng ma túy. Lúc này, T3 gọi cho H qua ứng dụng Zalo để đặt phòng sử dụng trái phép chất ma túy, H đồng ý. Khoảng 04 giờ cùng ngày 17 tháng 11 năm 2024, T3 gọi cho Hen R và nói Hen R biết T3 sẽ cùng 03 người bạn đến thuê phòng để sử dụng ma túy. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, T3 cùng H3 và 02 đối tượng nữ đi đến căn nhà không số nêu trên. T3 gọi điện thoại cho Hen R xuống mở cửa. Sau đó, T3 và H3 cùng 02 đối tượng nữ lên phòng trên lầu bên trái để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy còn Hen R tiếp tục đi ngủ. Khi T3, H3 và 02 đối tượng nữ lên phòng trên lầu bên trái thì thấy H và T đang ở trong phòng (lúc này X đi xuống dưới lầu và nằm nghỉ ngơi), trên bàn còn để ma túy nên T3, H3 và 02 đối tượng nữ đi vào sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng hết số ma túy trên, T3 hỏi H mua 02 viên thuốc lắc và nửa hộp ma túy khay thì H đồng ý; H đi sang phòng ngủ bên phải kêu Hen R lấy ma túy đưa cho H rồi H lấy 02 viên thuốc lắc đưa cho T3. T3 lấy 01 viên thuốc lắc đưa cho 02 đối tượng nữ sử dụng, viên thuốc lắc còn lại T3 bẻ làm 02 phần, đưa cho H3 01 phần để sử dụng còn 01 phần T3 sử dụng. Đối với nửa hộp khay (ketamine), H bỏ một phần vào đĩa và xào lên cho H, H3, T3 và 02 đối tượng nữ sử dụng, riêng T nằm nghỉ ngơi tại phòng, không tham gia sử dụng ma túy; số ma túy khay (ketamine) còn lại, H để trên bàn để sử dụng hết ma túy trên đĩa thì sẽ đổ ra để sử dụng tiếp. Đến khoảng 06 giờ ngày 17 tháng 11 năm 2024, H không sử dụng ma túy mà nằm nghỉ tại phòng, 02 đối tượng nữ đi về còn T3 và H3 ở lại tiếp tục sử dụng ma túy với nhau. Lúc này, T3 kêu H3 góp tiền để cả hai tiếp tục sử dụng ma túy thì H3 đồng ý rồi H3 chuyển khoản cho T3 1.500.000 đồng. Sau khi chuyển khoản, H3 và T3 tiếp tục sử dụng ma túy rồi nằm chơi G. Do hết tiền chơi G nên T3 lấy số tiền H3 chuyển nạp hết để chơi Game.

Đến khoảng 08 giờ ngày 17 tháng 11 năm 2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) kiểm tra, phát hiện và tiến hành lập biên bản bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang đối với Nguyễn Lâm H, Võ Quốc D, Lê Hen R, Bùi Văn T3 và Ngô Văn H3, Trịnh Thị Ngọc T về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và thu giữ các vật chứng, gồm:

- Trong căn phòng trên lầu bên trái, thu giữ: 01 túi nylon miệng kéo dính trong suốt, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (được thu giữ trong đĩa sành) (M1-1); 01 túi nylon miệng kéo dính màu đen, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (M1-2) của Bùi Văn T3 và Ngô Văn H3, 01 cái đĩa sành màu trắng; 01 cái ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng; 01 cái thẻ nhựa màu vàng; 01 bộ loa nghe nhạc màu trắng, 01 màn hình máy vi tính hiệu BenQ màu đen; 01 cái CPU hiệu Centaur màu đen; 01 cái đèn chiếu sáng, vỏ màu trắng; 01 cái đèn chiếu sáng, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax màu xám, có số seri DGW29HQLXQ, có gắn sim số thuê bao 0383890002 (thu giữ của Bùi Văn T3);

- Trong căn phòng ngủ trên lầu bên phải, thu giữ: 01 túi nylon miệng kéo dính trong suốt, bên trong có chứa 09 viên nén màu xám (M2-1); 01 túi nylon miệng kéo dính màu đen, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (M2-2) của Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D và Lê Hen R; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu trắng-hồng, có số seri C39SJBSWHG07, có sim số thuê bao 0343496074 (thu giữ của Lê Hen R); 01 điện thoại di động hiệu Oppo xanh ngọc, có số Imei 1: 864097041764730 (thu giữ của Võ Quốc D);

- Trong ngăn kéo bàn đặt dưới tầng trệt, thu giữ: 01 cái cân tiểu ly màu xám; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng, bị bể vỏ phía sau, có số seri GR6F8027KPHP, có sim số thuê bao 0589522579 (thu giữ của Nguyễn Lâm H); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro max màu xanh dương, có số seri F2MF195X0D46, có sim số thuê bao 0377629552 (thu giữ của Chu Công L3);

Cùng ngày 17 tháng 11 năm 2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B tiến hành chuyển hồ sơ vụ việc nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định được, Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D, Lê Hen R còn cho khách đến nhà thuê phòng sử dụng ma túy được 05 lần. Trong đó, cho T3 và đối tượng P (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) thuê phòng sử dụng ma túy 03 lần, cho đối tượng Q (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) thuê phòng sử dụng ma túy 01 lần, 01 lần H, T, D, Hen R không nhớ cho ai thuê. Tổng số tiền thu lợi từ việc cho thuê phòng là 8.000.000 đồng. Ngoài ra, H, T, D, Hen R bán ma túy được 05 lần. Trong đó, bán cho T3 01 lần, bán cho đối tượng P 02 lần, bán cho đối tượng Q 01 lần, 01 lần H, T, D, R không nhớ bán cho ai. Tổng 05 lần bán ma túy thu lợi được khoảng 7.700.000 đồng còn lần cuối bán cho T3, chưa thu tiền.

Theo Kết luận số 5420 ngày 22 tháng 11 năm 2024, Phòng K1 Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H) kết luận:

- Bì thư (ký hiệu M1) được dán kín niêm phong bên ngoài có chữ ký người bị bắt Bùi Văn T3, Ngô Văn H3, người chứng kiến Phạm Thị Tố M1, người làm chứng Trần Hòa X, Trịnh Thị Ngọc T, cán bộ niêm phong Đào Thanh H4, và hình dấu tròn đỏ của Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bên trong bì thư gồm có: 01 túi nylon miệng kéo dính trong suốt chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M1-1) là ma túy, có khối lượng là 0,4431 gam, loại Ketamine và 01 túi nylon miệng kéo dính màu đen chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M1-2) là ma túy, có khối lượng là 0,9816 gam, loại Ketamine.

- Bì thư (ký hiệu M2) được dán kín niêm phong bên ngoài có chữ ký người bị bắt Nguyễn Lâm H, Lê Hen R, Võ Quốc D, người chứng kiến Phạm Thị Tố M1, cán bộ niêm phong Thái Ngọc Tân, và hình dấu tròn đỏ của Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bên trong bì thư gồm có: 01 túi nylon miệng kéo dính trong suốt chứa 09 viên nén màu xám (ký hiệu M2-1) là ma túy, có khối lượng là 4,8646 gam, loại MDMA và 01 túi nylon miệng kéo dính màu đen chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M2-2), là ma túy, có khối lượng 1,6845 gam, loại Ketamine.

* Xử lý vật chứng: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 đã ra Quyết định chuyển các vật chứng sau đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì thư được niêm phong, có chữ ký người bị bắt Bùi Văn T3, Ngô Văn H3; chữ ký cán bộ niêm phong Đào Thanh H4, chữ ký người chứng kiến Phạm Thị Tố M1 và hình dấu tròn đỏ của Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đóng dấu niêm phong bằng dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B bên trong chứa ma túy loại Ketamine, có khối lượng sau giám định: (M1-1) 0,3985 gam; (M1-2) 0,9255 gam;

+ 01 bì thư được niêm phong, đều có chữ ký người bị bắt Nguyễn Lâm H, Lê Hen R, Võ Quốc D; chữ ký cán bộ niêm phong Thái Ngọc Tân, chữ ký người chứng kiến Đặng Văn B1 và hình dấu tròn đỏ của Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đóng dấu niêm phong bằng dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B bên trong chứa ma túy loại Ketamine, có khối lượng sau giám định: (M2-2) 1,6494 gam và ma túy loại MDMA, có khối lượng sau giám định: (M2-1) 4,3179 gam;

+ 01 túi nylon miệng kéo dính trong suốt, bên trong có chứa 9 viên nén màu xám; 01 túi nylon miệng kéo dính màu đen, bên trong có chứa chất màu trắng;

+ 01 cái đĩa sành màu trắng; 01 cái thẻ nhựa màu vàng; 01 cái đèn chiếu sáng, vỏ màu trắng; 01 cái đèn chiếu sáng, vỏ màu đen; 01 cái cân tiểu ly màu xám, không còn giá trị sử dụng;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với các vật chứng sau do các vật chứng này là tài sản của các bị can, được sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội.

+ 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng; 01 bộ loa nghe nhạc màu trắng; 01 màn hình máy vi tính hiệu BenQ màu đen; 01 cái CPU hiệu Centaur màu đen.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 pro max màu xám, có số sêri DNPZD3QRN6YK, có gắn sim số thuê bao 0383890002 (thu giữ của Bùi Văn T3);

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng, có số sêri Z9CQ4DSWBMBYSOYS, không có gắn sim (thu giữ của Ngô Văn H3);

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu trắng hồng, có số sêri C39SJBSWHG07, có sim số thuê bao 0343496074 (thu giữ của Lê Hen R);

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo xanh ngọc, có số Imei 1: 864097041764730 (thu giữ của Võ Quốc D);

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng, bị bể vỏ phía sau, có số sêri GR6F8027KPHP, có sim số thuê bao 0589522579 (thu giữ của Nguyễn Lâm H);

- Trả lại cho Ngô Văn H3: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Promax màu vàng, có số seri KQJ0QQJYV0, có gắn sim số thuê bao 0939 100031 là tài sản cá nhân của H3, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Buộc các bị can Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D, Lê Hen R nộp số tiền 15.700.000 đồng (tiền cho thuê phòng sử dụng ma túy và tiền bán ma túy) để sung ngân sách nhà nước.

- Buộc Bùi Văn T3 nộp số tiền 1.500.000 đồng (tiền H3 góp tiền sử dụng ma túy) để sung ngân sách nhà nước.

Đối với Trần Hòa X và Chu Công L3, quá trình điều tra xác định X và L3 được cho sử dụng ma túy, nhà, ma túy và công cụ để sử dụng ma túy không phải của X và L3 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không có căn cứ xử lý hình sự đối với X và L3. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã tiến hành xử lý hành chính đối với X và L3.

Đối với 02 đối tượng nữ là bạn của T3 hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Đối với nam thanh niên tên T6 (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) là người bán ma túy cho Nguyễn Lâm H tại quán bar S1, địa chỉ tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Đối với các đối tượng thuê phòng và mua ma túy của Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D, Lê Hen R (đối tượng P, đối tượng Q và 01 đối tượng

không rõ tên) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSKV15 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

- Nguyễn Lâm H, Võ Quốc D, Trịnh Thị Ngọc T, Lê Hen R về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Bùi Văn T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Ngô Văn H3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị Nguyễn Lâm H từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 18 năm 06 tháng đến 20 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Võ Quốc D từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 17 năm đến 19 năm tù.

Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trịnh Thị Ngọc T từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 15 năm 06 tháng đến 17 năm tù.

Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm

2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Hen R từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 16 năm đến 18 năm tù.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Văn T3 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 9 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Ngô Văn H3 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 06 năm 06 tháng đến 8 năm tù.

Về vật chứng của vụ án:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

-01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 5420/PC09, có chữ ký người bị bắt Bùi Văn T3, Ngô Văn H3, chữ ký cán bộ niêm phong Đào Thanh H4; hình dấu tròn đỏ của Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và dấu niêm phong bằng dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B bên trong chứa ma túy loại Ketamine, có khối lượng sau giám định: (M-1) 0,3985 gam; (M1-2) 0,9255 gam;

-01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 5420/PC09, có chữ ký người bị bắt Nguyễn Lâm H, Lê Hen R, Võ Quốc D; hình dấu tròn đỏ của Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và dấu niêm phong bằng dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B bên trong chứa ma túy loại Ketamine, có khối lượng sau giám định: (M2-2) 1,6494 gam và ma túy loại MDMA, có khối lượng sau giám định: (M2- 1) 4,3179 gam;

-01 (một) cái đĩa sành màu trắng;

-01 (một) cái thẻ nhựa màu vàng;

-01 (một) cái đèn chiếu sáng, vỏ màu trắng đã qua sử dụng;

-01 (một) cái đèn chiếu sáng, vỏ màu đen;

-01 (một) cái cân tiểu ly màu xám;

Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước:

-01 (một) cái ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng;

-01 (một) bộ L4 nghe nhạc màu trắng đã qua sử dụng;

-01 (một) màn hình máy vi tính hiệu BenQ màu đen đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái CPU hiệu Centaur màu đen đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 15 pro max màu xám, có số seri DNPZD3QRN6YK, có gắn sim bên trong nhưng không kiểm tra số thuê bao (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);
- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 7 plus màu trắng hồng bị bể màn hình, phù pin, trầy xước nhiều, không kiểm tra được số seri và số thuê bao (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);
- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo xanh ngọc, màn hình bị bể, không kiểm tra được số I (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);
- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone XS max màu trắng, bị bể mặt phía sau, không kiểm tra được số thuê bao và số seri (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);
- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu OPPO màu vàng, không kiểm tra được số seri (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

Đề nghị tuyên trả lại cho Ngô Văn H3 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Promax màu vàng, có số seri KQJ0QQJYV0, có gắn sim số thuê bao 0939100031 do là tài sản cá nhân của H3, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đề nghị tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D, Lê Hen R nộp số tiền 15.700.000 đồng (tiền cho thuê phòng sử dụng ma túy và tiền bán ma túy) để nộp vào ngân sách nhà nước; buộc Bùi Văn T3 nộp số tiền 1.500.000 đồng (tiền H3 góp tiền sử dụng ma túy) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

Bị cáo Nguyễn Lâm H nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, tính chất phạm tội của bị cáo nặng hơn các bị cáo khác nên đề nghị Hội đồng xét xử xử nặng bị cáo và xử phạt các bị cáo khác mức án nhẹ hơn.

Bị cáo Võ Quốc D nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để được sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Trịnh Thị Ngọc T nói lời sau cùng: Hoàn cảnh bị cáo đã ly hôn và đang nuôi 02 con nhỏ, bị cáo đang mang thai được 28 tuần tuổi; bị cáo thấy việc làm của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để được sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Lê Hen R nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để được sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Ngô Văn H3 nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Lâm H, Võ Quốc D, Trịnh Thị Ngọc T, Lê Hen R, Ngô Văn H3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố; bị cáo Bùi Văn T3 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ý kiến của bị cáo T3 tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định cùng những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Từ ngày 16 tháng 11 năm 2024 đến ngày 17 tháng 11 năm 2024, tại căn nhà không số trên đường Đ, tổ F, khu phố E, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D, Lê Hen R đã có hành vi cung cấp ma túy, dụng cụ, địa điểm để tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy và cho Trần Hòa X, Chu Công L3, Bùi Văn T3, Ngô Văn H3 và 02 đối tượng nữ (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Đồng thời, Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D, Lê Hen R có hành vi bán trái phép chất ma túy 05 lần và cho thuê phòng sử dụng trái phép chất ma túy 05 lần đối với Bùi Văn T3, đối tượng P, đối tượng Q và 01 đối tượng chưa rõ tên, thu lợi bất chính 15.700.000 đồng.

Ngày 17 tháng 11 năm 2024, tại căn nhà không số, địa chỉ tại đường Đ, tổ F, khu phố E, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Bùi Văn T3 có hành vi (cung cấp ma túy, địa điểm) để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Lâm H, Ngô Văn H3 và 02 đối tượng nữ (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) cùng sử dụng ma túy với T3. Sau đó, Ngô Văn H3 có hành vi góp tiền để tiếp tục sử dụng ma túy với T3. Đồng thời Bùi Văn T3 và Ngô Văn H3 có hành vi tàng trữ 1,4247 gam ma túy, loại Ketamine để sử dụng thì bị bắt quả tang. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Nguyễn Lâm H, Võ Quốc D, Trịnh Thị Ngọc T, Lê Hen R về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bùi Văn T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Ngô

Văn H3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Hiện nay, tình hình nghiện hút chất ma túy đang diễn ra phức tạp trong mọi tầng lớp. Tệ nạn này là mối quan tâm của toàn xã hội, một trong những nguyên nhân dẫn đến tệ nạn này chưa được đẩy lùi một phần có sự tiếp tay của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân, hành vi của từng bị cáo cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo mà có mức hình phạt phù hợp.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Lâm H, Ngô Văn H3 đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đã có tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo Võ Quốc D, Trịnh Thị Ngọc T, Lê Hen R, Bùi Văn T3 không có tình tiết tăng nặng.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo Lê Hen R có ông nội là ông Lê Thanh B2 tham gia cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Trịnh Thị Ngọc T đang mang thai, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Đối với hành vi sử dụng ma túy của Trần Hòa X và Chu Công L3 đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H xử phạt vi phạm hành chính.

[9] Đối với 02 đối tượng nữ là bạn của T3 hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ là phù hợp.

[10] Đối với nam thanh niên tên T6 (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) là người bán ma túy cho Nguyễn Lâm H tại quán bar S1, địa chỉ tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ là phù hợp.

[11] Đối với các đối tượng thuê phòng và mua ma túy của Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D, Lê Hen R (đối tượng P, đối tượng Q và 01 đối tượng không rõ tên), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ là phù hợp.

[12] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

[12.1] Cần tịch thu tiêu hủy ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) cái đĩa sành màu trắng; 01 (một) cái thẻ nhựa màu vàng; 01 (một) cân tiểu ly màu xám; 01 (một) đèn chiếu sáng, vỏ màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) đèn chiếu sáng, vỏ màu đen.

[12.2] Đối với: 01 (một) cái ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng; 01 (một) bộ L4 nghe nhạc màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) màn hình máy vi tính hiệu BenQ màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) cái CPU hiệu Centaur màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 15 pro max màu xám, có số seri DNPZD3QRN6YK, có gắn sim bên trong nhưng không kiểm tra số thuê bao (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 7 plus màu trắng hồng bị bể màn hình, phù pin, trầy xước nhiều, không kiểm tra được số seri và số thuê bao (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo xanh ngọc, màn hình bị bể, không kiểm tra được số I (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone XS max màu trắng, bị bể mặt phía sau, không kiểm tra được số thuê bao và số seri (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu OPPO màu vàng, không kiểm tra được số seri (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[12.3] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Promax màu vàng, có số seri KQJ0QQJYV0, có gắn sim số thuê bao 0939100031 là tài sản cá nhân của H3, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho Ngô Văn H3;

[12.4] Buộc các bị cáo Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D, Lê Hen R nộp số tiền 15.700.000 đồng (tiền cho thuê phòng sử dụng ma túy và tiền bán ma túy) để nộp vào ngân sách nhà nước; buộc Bùi Văn T3 nộp số tiền 1.500.000 đồng (tiền H3 góp tiền sử dụng ma túy) để nộp vào ngân sách nhà nước.

[13] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 260, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lâm H, Võ Quốc D, Trịnh Thị Ngọc T, Lê Hen R phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Bùi Văn T3, Ngô Văn H3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lâm H 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lâm H 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Lâm H phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2024.

2.2. Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Quốc D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Quốc D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Võ Quốc D phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2024.

2.3. Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Ngọc T 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Ngọc T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Trịnh Thị Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03 tháng 10 năm 2025 đến ngày 07 tháng 10 năm 2025.

2.4. Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Hen R 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Hen R 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Hen R phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2024.

2.5. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T3 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Bùi Văn T3 phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2024.

2.6. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn H3 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn H3 04 (bốn) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Ngô Văn H3 phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2024.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

-01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 5420/PC09, có chữ ký người bị bắt Bùi Văn T3, Ngô Văn H3, chữ ký cán bộ niêm phong Đào Thanh H4; hình dấu tròn đỏ của Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và dấu niêm phong bằng dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B bên trong chứa ma túy loại Ketamine, có khối lượng sau giám định: (M-1) 0,3985 gam; (M1-2) 0,9255 gam;

-01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 5420/PC09, có chữ ký người bị bắt Nguyễn Lâm H, Lê Hen R, Võ Quốc D; hình dấu tròn đỏ của Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và dấu niêm phong bằng dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B bên trong chứa ma túy loại Ketamine, có khối lượng sau giám định: (M2-2) 1,6494 gam và ma túy loại MDMA, có khối lượng sau giám định: (M2- 1) 4,3179 gam;

-01 (một) cái đĩa sành màu trắng;

-01 (một) cái thẻ nhựa màu vàng;

-01 (một) cái đèn chiếu sáng, vỏ màu trắng đã qua sử dụng;

-01 (một) cái đèn chiếu sáng, vỏ màu đen;

-01 (một) cái cân tiểu ly màu xám;

3.2. Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

-01 (một) cái ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng;

-01 (một) bộ L4 nghe nhạc màu trắng đã qua sử dụng;

-01 (một) màn hình máy vi tính hiệu BenQ màu đen đã qua sử dụng;

-01 (một) cái CPU hiệu Centaur màu đen đã qua sử dụng;

-01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 15 pro max màu xám, có số seri DNPZD3QRN6YK, có gắn sim bên trong nhưng không kiểm tra số thuê bao (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);

-01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 7 plus màu trắng hồng bị bể màn hình, phù pin, trầy xước nhiều, không kiểm tra được số seri và số thuê bao (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);

-01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo xanh ngọc, màn hình bị bể, không kiểm tra được số I (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);

-01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone XS max màu trắng,

bị bề mặt phía sau, không kiểm tra được số thuê bao và số seri (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu OPPO màu vàng, không kiểm tra được số seri (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

3.3. Trả lại cho bị cáo Ngô Văn H3 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 16 pro max màu vàng, có số seri KQJ0QQJYV0, không kiểm tra số thuê bao (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

3.4. Buộc các bị cáo Nguyễn Lâm H, Trịnh Thị Ngọc T, Võ Quốc D, Lê Hen R liên đới nộp số tiền 15.700.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng); buộc Bùi Văn T3 nộp số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 011.26 ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Lâm H, Võ Quốc D, Trịnh Thị Ngọc T, Lê Hen R, Bùi Văn T3, Ngô Văn H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng

